

Bản án số: 297/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 23/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 792/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HPT ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Xuân Q, sinh năm: 1983; địa chỉ: 70 đường T, Phường N, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 78/40 đường T, Phường N, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1981; địa chỉ: 70 đường T, Phường N, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2019, bản tự khai ngày 02/01/2020 nguyên đơn bà Trần Thị Xuân Q trình bày: bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận 6 cấp ngày 25/4/2003. Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc. Năm 2013 vì bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn, từ đó tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Đến tháng 5/2015 thì ông T bỏ nhà đi và hoàn toàn cắt đứt liên lạc với gia đình cho đến nay. Đến tháng 6/2019 bà nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Tấn T mất tích và đã được Tòa án nhân dân Quận 6 tuyên bố ông Nguyễn Tấn T mất tích theo Quyết định số 95/2019/QĐST-DS ngày 05/7/2019. Nay bà không còn

tình cảm vợ chồng với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T

Về con chung: bà và ông Nguyễn Tấn T có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Nguyễn Kim A, sinh ngày 02/10/2006. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Kim A. Về cấp dưỡng nuôi con: bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã làm đầy đủ các thủ tục tố tụng để thông báo cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Tấn T đã bị Tòa án nhân dân Quận 6 tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 95/2019/QĐDS-ST ngày 05/7/2019 từ đó đến nay bà Q vẫn không nhận được tin tức gì của ông T. Như vậy mâu thuẫn giữa bà Q và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Q yêu cầu được ly hôn với ông T là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: tiếp tục giao trẻ Nguyễn Kim A cho bà Q nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: bà Q khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Xuân Q có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 29/3/2020 và ngày 07/4/2020 bà Trần Thị Xuân Q có đơn yêu cầu không tiền hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Tấn T đến Tòa án để giải quyết vụ án, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Tấn T đều vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận 6 cấp ngày 25/4/2003 thì bà Trần Thị Xuân Q và ông Nguyễn Tấn T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngày 05/7/2019 Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất

tích số: 95/2019/QĐDS-ST ngày 05/7/2019 tuyên bố ông Nguyễn Tấn T mất tích.

Ngày 18/11/2019 bà Trần Thị Xuân Q nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Tòa án cũng đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Tấn T nhưng vẫn không nhận được thông tin phản hồi gì của ông T. Như vậy, từ khi Quyết định tuyên bố ông Nguyễn Tấn T mất tích của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực cho đến nay thì không có tin tức gì của ông T. Xét thấy, trong thời gian sống chung thì bà Q và ông T đã có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2015 thì ông T đã bỏ nhà đi và đã bị Tòa án nhân dân Quận 6 tuyên bố mất tích. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Trần Thị Xuân Q và ông Nguyễn Tấn T không đạt được. Tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”. Nay bà Trần Thị Xuân Q yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số: 381, quyền 02/2006 do Ủy ban nhân dân phường L, quận 6 cấp ngày 25/10/2006 thì trẻ Nguyễn Kim A, sinh ngày: 02/10/2006 có cha tên là Nguyễn Tấn T và có mẹ tên là Trần Thị Xuân Q. Như vậy, trong thời gian sống chung thì bà Q và ông T có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Nguyễn Kim A, sinh ngày: 02/10/2006 hiện đang do bà Q nuôi dưỡng. Nay bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Kim A. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ Nguyễn Kim A cho bà Trần Thị Xuân Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Xuân Q không yêu cầu ông Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: bà Q khai không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này ông Nguyễn Tấn T trở về và có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Trần Thị Xuân Q nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị Xuân Q được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T

Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận 6 cấp ngày 25/4/2003 cho bà Trần Thị Xuân Q và ông Nguyễn Tấn T không còn giá trị.

2. Về con chung : Giao trẻ Nguyễn Kim A, sinh ngày: 02/10/2006 cho bà Trần Thị Xuân Q nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Xuân Q không yêu cầu ông Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

Nếu sau này ông Nguyễn Tấn T trở về thì bà Trần Thị Xuân Q có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Tấn T đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Xuân Q khai không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này ông Nguyễn Tấn T trở về và có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị Xuân Q nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu số: 0011776 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. Hồ Chí Minh . Bà Trần Thị Xuân Q đã nộp đủ án phí

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Xuân Q và ông Nguyễn Tấn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân P14, Q6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn